

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Thạch An)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	26.800	31.772	118,55	230,02
I	Thu cân đối NSNN	26.800	31.772	118,55	230,02
1	Thu nội địa	26.800	31.772	118,55	230,02
2	Thu viện trợ	-	-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	626.001	331.493	52,95	267,45
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	626.001	331.493	52,95	267,45
1	Chi đầu tư phát triển	98.147	65.650	66,89	150,02
2	Chi thường xuyên, chương trình mục tiêu	527.854	265.843	50,36	331,52
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Thạch An)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ 2024
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	26.800	31.772	118,55	230,00
I	Thu nội địa	26.800	31.772	118,55	230,00
1	Thu từ DNNN do TW quản lý	250,00	103,80	41,52	74,41
2	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	195,00	62	31,62	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	17.100	19.799	115,78	268,65
4	Thuế thu nhập cá nhân	700,00	943	134,76	264,98
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	3.500	1.929	55,11	113,22
7	Thu phí, lệ phí	2.300	739,27	32,14	90,03
8	Các khoản thu về nhà, đất	925,00	3.420	369,71	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40,00	4,97	12,43	
-	Thu tiền sử dụng đất	500	3.291	658,30	
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	385,00	123,39	32,05	
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu đóng góp từ hoạt động khoáng sản	130,00	3.189,95		
10	Thu khác ngân sách	1.700	1.586,30	93,31	101,50
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	23.590	24.111	102,21	233,68
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	23.590	24.111	102,21	233,68

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Thạch An)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm 2024
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	626.001	331.493	52,95	142,16
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	626.001	331.493	52,95	142,16
I	Chi đầu tư phát triển	98.147	65.650	66,89	87,29
1	Vốn cân đối NSDP	8.167	4.616	56,52	59,51
2	Vốn NSTW	89.980	61.034	67,83	90,49
II	Chi thường xuyên	526.278	265.843	50,51	168,27
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	258.698	102.134	39,48	147,74
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	35.668	15.942	44,70	132,03
4	Chi SN văn hóa phát thanh truyền hình, thể thao	6.153	1.695	27,54	115,04
5	Chi bảo vệ môi trường	3.140	383	12,21	
6	Chi hoạt động kinh tế	28.140	45.769	162,65	559,37
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	159.058	67.555	42,47	137,14
8	Chi bảo đảm xã hội	24.102	25.969	107,74	294,03
9	Chi khác		852		
III	Chi thường xuyên vốn sự nghiệp thực hiện các CTMTQG năm 2025	1.576	-	0,00	
1	NSTW thực hiện các CTMTQG	1.576	-		
	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
	CTMTQG Giảm nghèo bền vững				
	CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới	1.576			
2	NSDP (nguồn tăng thu đối ứng thực hiện các CTMTQG - Dự án 5 hỗ trợ nhà ở)				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-		